

Bản án số: 39/2024/DS-ST
Ngày: 12/4/2024
“V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự mua bán tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ M, TỈNH AN G**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Vũ Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Hồng;
- Ông Võ Lâm Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ M, tỉnh An G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ M, tỉnh An G tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ M xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2024 về “tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 145/2024/QĐST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Quốc T, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp M An, xã Nhơn M, huyện Chợ M, tỉnh An G; có mặt.
- Bị đơn:* Bà Dương Thị T, sinh năm 1960; địa chỉ: ấp Nhơn Ngãi, xã Nhơn M, huyện Chợ M, tỉnh An G; vắng mặt.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1965; địa chỉ: ấp M An, xã Nhơn M, huyện Chợ M, tỉnh An G; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quốc T trình bày: Do chỗ quen biết làm ăn qua lại với nhau nên bà T có đến Cửa hàng mua bán vật tư nông Nghiệp của bà T để mua phân bón, thuốc trừ sâu về làm lúa nhiều năm với phương thức gởi đầu, bà O là người trực tiếp bán hàng, sau đó hai bên có xác nhận công nợ

vào ngày 16/01/2014 với số tiền 34.015.000 đồng (ba mươi bốn triệu không trăm mười lăm ngàn đồng). Khi làm giấy xác nhận nợ xong thì bà T không thực hiện tiếp tục nghĩa vụ trả nợ cho cửa hàng bà T. Tại đơn khởi kiện bà T có yêu cầu tính lãi suất. Nay bà xin rút lại không yêu cầu tính lãi suất, bà chỉ yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả cho Cửa hàng vật tư nông nghiệp Quốc T số tiền mua vật tư nông nghiệp là 34.015.000 đồng (ba mươi bốn triệu không trăm mười lăm ngàn đồng).

- *Tờ tự khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim O trình bày:* Cửa hàng vật tư nông nghiệp Quốc T là của con bà, bà chỉ là người trực tiếp đứng bán hàng cho con bà, bà T có làm biên nhận nợ với bà, tại phiên Tòa bà cũng thống nhất ý kiến trình bày của bà T, không có ý kiến gì bổ sung.

Bà Dương Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình công khai chứng cứ hòa giải vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là bản sao biên nhận nợ, giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao).

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, bà T không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Bị đơn bà Dương Thị T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim O không có ý kiến gì bổ sung.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến giải quyết vụ án:

Bà Dương Thị T là khách hàng có đến cửa hàng bà Nguyễn Thị Quốc T mua phân bón và thuốc trừ sâu nhiều lần từ năm 2013. Đến ngày 16/01/2014 bà T chót số tiền còn nợ với bà O (mẹ bà T) là 34.015.000 đồng, có lập biên nhận nợ 16/01/2014. Tuy nhiên đến hiện tại bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà T trả tiền mua vật tư nông nghiệp tổng số tiền 34.015.000 đồng và tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 16/01/2024 đến ngày xét xử. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, bà T rút yêu cầu tính lãi suất.

Phía bà Dương Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Xét thấy, việc mua bán phân bón, thuốc trừ sâu giữa bà T và bà T không có lập thành văn bản, chỉ giao dịch qua lời nói. Tuy nhiên, đến ngày 16/01/2014, bà T và bà O (mẹ bà T) có chốt số tiền và lập biên nhận với nội dung thể hiện bà Dương Thị T thừa nhận còn nợ tiền vật tư nông nghiệp của bà Nguyễn Thị Kim O với số tiền là 34.015.000 đồng. Do đó, có căn cứ xác định giữa bà T với bà T, bà O có phát sinh quan hệ hợp đồng mua bán phân bón, thuốc trừ sâu. Khi đến hạn thanh toán nhưng bà T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà T nên bà T khởi kiện là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự.

Về lãi suất, do bà T đã rút yêu cầu nên đình chỉ xét xử theo Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 217 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các 430, 440 Bộ luật dân sự:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Quốc T.
- Buộc bà Dương Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Quốc T số tiền mua bán vật tư nông nghiệp là 34.015.000 đồng.
- Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất của bà Nguyễn Thị Quốc T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Cửa hàng vật tư nông nghiệp Nguyễn Thị Quốc T khởi kiện yêu cầu bà Dương Thị T có nghĩa vụ trả cho Cửa hàng bà số tiền mua bán vật tư nông nghiệp là 34.015.000 đồng (ba mươi bốn triệu không trăm mười lăm ngàn đồng), bà T có nơi cư trú ấp Nhơn Ngãi, xã Nhơn M, huyện Chợ M, tỉnh An G nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ M theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Trước khi phiên tòa được mở bà Dương Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn

vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Dương Thị T theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[3] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng:

Qua lời trình bày của bà Nguyễn Thị Quốc T tại các biên bản hòa giải và các tài liệu chứng cứ cung cấp, qua quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử xác định giữa Cửa hàng mua bán vật tư nông nghiệp Quốc T với bà Dương Thị T với có thỏa thuận với nhau về việc mua bán vật tư nông nghiệp để trồng lúa nhiều năm với phương thức gởi đầu, sau đó hai bên có thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền vật tư nông nghiệp với nhau, đến ngày 16/01/2014 thì bà Dương Thị T có ký xác nhận công nợ với cửa hàng vật tư nông nghiệp Quốc T số tiền 34.015.000 đồng (ba mươi bốn triệu không trăm mười lăm ngàn đồng) hứa sẽ trả vào cuối mùa vụ lúa, nhưng sau đó không thực hiện nên bà T khởi kiện yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả số tiền còn thiếu lại cửa hàng vật tư nông nghiệp là 34.015.000 đồng (ba mươi bốn triệu không trăm mười lăm ngàn đồng)

Trong số các tài liệu, chứng cứ do bà T cung cấp cho yêu cầu khởi kiện là biên nhận nợ được xác lập giữa bà T với bà O và các tài liệu khác kèm theo hồ sơ vụ án.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nghĩa vụ trả nợ của bị đơn.

Cửa hàng mua bán vật tư nông nghiệp Nguyễn Thị Quốc T khởi kiện yêu cầu bà Dương Thị T có nghĩa vụ trả tiền mua bán vật tư nông nghiệp là 34.015.000 đồng (ba mươi bốn triệu không trăm mười lăm ngàn đồng)

Xem xét yêu cầu nghĩa vụ trả nợ của bà Dương Thị T với cửa hàng vật tư nông nghiệp Nguyễn Thị Quốc T cùng xác lập hợp đồng mua bán với nhau, bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Cửa hàng bà T khi có yêu cầu thu hồi vốn làm thiệt thòi quyền lợi của bà T. Trong quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa bà T không gợi ý kiến hay văn bản gì để Hội đồng xem xét. Tại phiên tòa bà T yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả cho bà số tiền mua bán vật tư nông nghiệp là 34.015.000 đồng (ba mươi bốn triệu không trăm mười lăm ngàn đồng) theo giấy xác nhận công nợ ngày 16/01/2014 được lập giữa bà T với bà O. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của bà T và trong quá trình làm việc và các tài liệu chứng cứ kèm theo hồ sơ vụ án cũng có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của bà T. Nghĩ nên buộc bà Dương Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Quốc T số tiền mua bán còn nợ lại là 34.015.000 đồng (ba mươi

bốn triệu không trăm mười lăm ngàn đồng) là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật theo các Điều 430, 440 Bộ luật dân sự 2015.

[5] *Về lãi suất*: Trong quá trình làm việc và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Quốc T rút lại yêu cầu tính lãi suất. Đây là sự tự nguyện của đương sự, do đó Hội đồng xét xử cần đình chỉ đối với yêu cầu này phù hợp với Điều 217, 218, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Dương Thị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Quốc T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều:

Điều 357, Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 26, 35, 39, 144, 147, 217, 218, 227, 228, 235, 244, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Quốc T.

Buộc bà Dương Thị T có nghĩa vụ trả cho Cửa hàng vật tư nông nghiệp bà Nguyễn Thị Quốc T số tiền mua bán vật tư nông nghiệp là 34.015.000 đồng (ba mươi bốn triệu không trăm mười lăm ngàn đồng).

Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất của bà Nguyễn Thị Quốc T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Dương Thị T phải chịu 1.700.000 đồng (một triệu bảy trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Quốc T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Quốc T số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp 850.000 đồng (tám trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai số 0014921 do Chi cục thi hành án dân sự cấp ngày 11.01.2024.

3. Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ M;
- TAND tỉnh An G;
- Chi cục THADS H. Chợ M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn

